

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vương Thị H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/01/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vương Thị H trình bày:

Bà và ông Phan Văn M tự nguyện kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 1 ngày 06/8/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại đường N, Phường M, quận T. Quá trình chung sống, bà thường xuyên bị ông M sỉ nhục, chửi bới và hành hung khi tỉnh cũng như khi say rượu, kể cả khi có mặt những người thân trong gia đình, ngoài ra ông M còn nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó hôn nhân không có hạnh phúc, khoảng tháng 9/2017 bà đã bỏ đi không còn sống chung với ông M nữa. Nay bà xác định đã hết tình cảm với ông M, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, nguyện vọng xin được ly hôn.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Phan Minh T, sinh năm 1995 (đã thành niên) và Phan Minh L, sinh ngày 18/12/2007, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Minh L, yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: tự giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- *Bị đơn ông Phan Văn M trình bày:*

Xác nhận lời trình bày của bà H về thời gian và điều kiện kết hôn của ông bà là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên do nhiều lúc bất đồng quan điểm, vợ chồng có cãi vã, ông không giữ được bình tĩnh nên có vắng tục và hành hung bà H. Vào khoảng tháng 9/2017, sau khi cãi nhau bà H bỏ chồng con về nhà mẹ ruột sống, ông đã nhiều lần liên lạc, năn nỉ bà H trở về nhà chăm sóc gia đình nhưng bà H không đồng ý. Với yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông không đồng ý vì xác định vẫn còn tình cảm với vợ.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phan Minh T, sinh năm 1995 (đã thành niên) và Phan Minh L, sinh ngày 18/12/2007, trong trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Minh L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Vương Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và quyền nuôi con chung.

Bị đơn ông Phan Văn M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Vương Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Phan Văn M có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì

thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với ông M để tham gia phiên tòa, nhưng ông M vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ “Giấy chứng nhận kết hôn” số 38, quyển số 1 ngày 06/8/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông M là hợp pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa các đương sự phát sinh mâu thuẫn mà theo bà H trình bày là do trong quá trình chung sống, bà thường xuyên bị ông M sỉ nhục, chửi bới và hành hung, ngoài ra ông M còn nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể hòa hợp dẫn đến mất hạnh phúc. Ngược lại, ông M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng xác nhận có nhiều lúc vợ chồng bất đồng quan điểm ông không giữ được bình tĩnh nên có vắng tục và hành hung bà H.

Xét thấy, tuy ông M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên thực tế thì mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, kéo dài nhiều năm nay mà nguyên nhân là do việc bạo hành trong gia đình, hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay, mặc dù ông M trình bày là đã nhiều lần liên lạc, năn nỉ bà H về nhà tiếp tục chung sống nhưng bà H không đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

- Về con chung: các bên đương sự đều có yêu cầu được quyền nuôi con chung chưa thành niên tên Phan Minh L, sinh ngày 18/12/2007. Xét bà H hiện có công việc làm, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để đảm bảo việc nuôi con và xét cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: các đương sự đề nghị tự giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí: bà H phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 95 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị H về việc “ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: bà Vương Thị Hương được ly hôn ông Phan Văn M.

3. Về con chung: có 02 con chung tên Phan Minh T, sinh năm 1995 (đã thành niên) và Phan Minh L, sinh ngày 18/12/2007.

- Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Phan Minh L cho đến tuổi thành niên.

- Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Phan Minh L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến tuổi thành niên. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

4. Kể từ ngày bà Hg có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về tài sản chung: các đương sự tự giải quyết.

6. Về nợ chung: không có.

7. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ

(Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007602 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà H đã nộp đủ án phí.

8. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: ông M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

9. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Ông M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- Chi cục THA.DS Q.TB;
- UBND Phường 15, quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Phúc